

Quận 10, ngày 22 tháng 01 năm 2025

KẾ HOẠCH
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC THÁNG 02/2025
Năm học 2024 - 2025
Nhóm trẻ 25 - 36 tháng tuổi (Nhóm 1)

I. PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT

1. Mục tiêu

- MT1: Trẻ thực hiện được các động tác trong bài tập thể dục.
- MT2: Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động đi.
- MT3: Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động chạy.
- MT4: Trẻ biết thực hiện phối hợp vận động tay - mắt
- MT5: Trẻ giữ được thăng bằng trong vận động nhún, bật.
- MT10: Trẻ biết phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay trong các hoạt động.
- MT11: Trẻ biết phối hợp tay - mắt trong các hoạt động.
- MT12: Trẻ thích nghi với chế độ ăn cơm, ăn được các loại thực phẩm khác nhau.
- MT13: Trẻ ngủ một giấc buổi trưa.
- MT14: Đi vệ sinh đúng nơi quy định.
- MT15: Trẻ tập luyện một số thói quen tốt trong sinh hoạt.
- MT16: Trẻ biết làm được một số việc với sự giúp đỡ của người lớn (lấy nước uống, đi vệ sinh...)
- MT17: Trẻ biết chấp nhận: Đội mũ khi ra nắng; Đi giày dép; Mặc quần áo ấm khi trời lạnh.

2. Hình thức thực hiện

2.1. Sinh hoạt

- MT1: Trẻ thực hiện được các động tác trong bài tập thể dục: Hít thở, tay, lưng/bụng, chân. (TDS)
 - + Hô hấp: Tập hít vào, thở ra.
 - + Tay: Đưa sang ngang.
 - + Bụng: Cúi người về phía trước.
 - + Chân: Co, duỗi từng chân.
 - + Bật: Bật tại chỗ.
- MT12: Làm quen với chế độ ăn cơm và các loại thức ăn khác nhau.
- MT13: Luyện thói quen ngủ 1 giấc trưa.

- MT14: Đi vệ sinh đúng nơi quy định.

- **MT15:**

+ Rửa tay trước khi ăn (15.2).

+ Lau mặt, lau miệng, uống nước sau khi ăn (15.3).

- **MT16:** Tập một số thao tác đơn giản trong rửa tay, lau mặt (16.5).

- **MT17:**

+ Đi giày dép (17.2).

+ Mặc quần áo ấm khi trời lạnh (17.3).

2.2. Hoạt động học

- **MT2:** Đi trong đường hẹp có bề vật trên tay (2.4) (tuần 1).

- **MT3:** Chạy theo hướng thẳng (3.1) (tuần 3).

- MT4: Tung - bắt bóng cùng cô (4.1) (tuần 2).

- MT5: Bật tại chỗ (5.1) (tuần 4).

- **MT10:**

+ Kỹ năng nhào đất nặn (10.1) (tuần 1).

+ Tập cầm bút tô, vẽ (10.4) (tuần 2).

+ Lật mở trang sách (10.5) (tuần 3).

- **MT11:**

+ Kỹ năng luồn dây (11.2) (tuần 3).

+ Chồng, xếp 6 - 8 khối (11.4) (tuần 2).

+ Tập khâu vòng tay, chuỗi đeo cổ (11.5) (tập khâu dây) (tuần 4).

2.3. Kỹ năng

- MT13: Luyện thói quen ngủ một giấc trưa.

II. PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC

1. Mục tiêu

- **MT20:** Trẻ biết sờ nắn, nhìn, nghe, ngửi, nếm để nhận biết đặc điểm nổi bật của đối tượng.

- **MT21:** Trẻ biết chơi bắt chước một số hành động quen thuộc của những người gần gũi. Sử dụng được một số đồ dùng, đồ chơi quen thuộc.

- **MT22:** Trẻ nói được tên của bản thân và những người gần gũi khi được hỏi.

- **MT24:** Trẻ nói được tên và một vài đặc điểm nổi bật của các đồ vật, hoa quả, con vật quen thuộc.

- **MT26:** Trẻ chỉ/nói tên hoặc lấy hoặc cất đúng đồ chơi màu đỏ/vàng/xanh theo yêu cầu.

- **MT27:** Trẻ nhận biết một số hình dạng: Hình tròn, hình vuông.

2. Hình thức thực hiện

2.1. Sinh hoạt

- **MT20:**

+ Tìm đồ vật vừa mới cất giấu (20.1).

+ Sờ, nắn, nhìn, ngửi,... đồ vật, hoa quả để nhận biết đặc điểm nổi bật (20.3).

- **MT21:** Đồ dùng, đồ chơi của bản thân và nhóm lớp (21.2)

- **MT22:** Tên, một số đặc điểm bên ngoài của bản thân (22.1).

- **MT24:** Tên, đặc điểm nổi bật, công dụng và cách sử dụng đồ dùng quen thuộc (24.1).

2.2. Hoạt động học

- **MT24:**

+ Tên, đặc điểm nổi bật, công dụng và cách sử dụng đồ dùng quen thuộc (24.1) (nhận biết chiếc khăn) (tuần 3).

+ Tên và một số đặc điểm nổi bật của con vật quen thuộc (24.2) (nhận biết con cá) (tuần 1, 2).

+ Tên và một số đặc điểm nổi bật của rau quen thuộc (24.3) (nhận biết bắp cải) (tuần 4).

- **MT26:** Chỉ/ nói tên màu xanh theo yêu cầu (26.4) (nhận biết màu xanh - màu đỏ) (tuần 3, 4).

- **MT27:** Chỉ/nói tên được hình tròn (27.1) (tuần 1, 2).

2.3. Kỹ năng

- **MT20:** Nghe và nhận biết âm thanh của một số đồ vật, tiếng kêu của một số con vật quen thuộc (20.2).

III. PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ

1. Mục tiêu

- **MT31:** Trẻ thực hiện được nhiệm vụ gồm 2 - 3 hành động.

- **MT33:** Trẻ hiểu nội dung truyện ngắn đơn giản: trả lời được các câu hỏi về tên truyện, tên và hành động của các nhân vật.

- **MT35:** Trẻ biết nghe các bài thơ, đồng dao, ca dao, hò vè, câu đố, bài hát và truyện ngắn.

- **MT36:** Trẻ biết đọc được bài thơ, ca dao, đồng dao với sự giúp đỡ của cô giáo

- **MT38:** Trẻ sử dụng lời nói với các mục đích khác nhau.
- MT41: Trẻ biết lắng nghe khi người lớn đọc sách.

2. Hình thức thực hiện

2.1. Sinh hoạt

- MT35: Trẻ biết nghe các bài thơ, đồng dao, ca dao, hò vè, câu đố, bài hát và truyện ngắn.
- **MT38:** Chào hỏi, trò chuyện (38.1).
- MT41: Lắng nghe khi người lớn đọc sách.

2.2. Hoạt động học

- MT33: Lắng nghe và trả lời được các câu hỏi về tên truyện, tên và hành động của các nhân vật.
- + Truyện: “Chú gấu con ngoan” (tuần 2).
- + Truyện “Khỉ con biết vâng lời” (tuần 3).
- MT36: Đọc các đoạn thơ, bài thơ ngắn có câu 3, 4 tiếng.
- + Bài thơ “Con cá vàng” (tuần 1).
- + Bài thơ “Bắp cải xanh” (tuần 4).

2.3. Kỹ năng

- **MT31:** Nghe và thực hiện yêu cầu bằng lời nói (31.1).

IV. PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM, KỸ NĂNG XÃ HỘI VÀ THẨM MỸ

1. Mục tiêu

- **MT43:** Trẻ nói được một vài thông tin về mình (tên, tuổi).
- MT48: Trẻ biết biểu lộ sự thân thiện với một số con vật quen thuộc/gần gũi: bắt chước tiếng kêu, gọi.
- MT49: Trẻ biết chào, tạm biệt, cảm ơn, ạ, vâng ạ.
- MT50: Trẻ biết thể hiện một số hành vi xã hội đơn giản qua trò chơi giả bộ (trò chơi bế em, khuấy bột cho em bé, nghe điện thoại...).
- **MT52:** Trẻ thực hiện một số yêu cầu của người lớn.
- **MT53:** Trẻ biết hát và vận động đơn giản theo một vài bài hát/bản nhạc quen thuộc.
- **MT54:** Trẻ thích tô màu, vẽ, nặn, xé, xếp hình, xem tranh (cầm bút di màu, vẽ nguệch ngoạc).

2. Hình thức thực hiện

2.1. Sinh hoạt

- **MT43:** Nhận biết tên, tuổi của mình, một số đặc điểm bên ngoài bản thân (43.1).
- MT48: Quan tâm đến các vật nuôi.

- MT49: Thực hiện một số hành vi văn hóa và giao tiếp: Chào tạm biệt, cảm ơn, nói từ “dạ”, “vâng ạ”.

- MT50: Trẻ tập làm, thể hiện, nhập vai để tham gia chơi trong các hoạt động chơi ở các khu vực chơi.

- **MT52:** Xếp hàng chờ đến lượt (52.1).

- **MT54 :** Xem tranh (54.2).

2.2. Hoạt động học

- **MT53:** Nghe hát, nghe nhạc với các giai điệu khác nhau. (53.1)

+ Nghe hát “Cá vàng bơi” (tuần 1).

+ Nghe hát “Cháu yêu bà” (tuần 2).

+ Nghe hát “Chiếc khăn tay” (tuần 3).

+ Nghe hát “Chú mèo” (tuần 4).

- **MT54:** Vẽ các đường nét khác nhau, di màu, nặn, xé, vò, xếp hình. (54.1)

+ Vẽ mưa (tuần 1).

+ Vẽ thức ăn cho gà (tuần 2).

+ Vẽ lông con nhím (tuần 3).

+ Vẽ hình tròn (tuần 4).

2.3. Kỹ năng

- **MT52:** Xếp hàng chờ đến lượt (52.1)./.